

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thực phẩm Quốc tế

Ngày	21,200 VNĐ		
30/09/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-7.6%	-

DT thuần	Q3/25
501	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0	2.2%
YoY: ▲ 36.0	7.7%

LN thuần	Q3/25
45.4	tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.80	-5.7%
YoY: ▼9.60	-17.4%

LN sau thuế	Q3/25
36.5	tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.30	-6.0%
YoY: ▼6.20	-14.6%

Tỷ suất lãi EBIT	Q3/25
9.1%	
YoY: +/-	▼ 0.8%

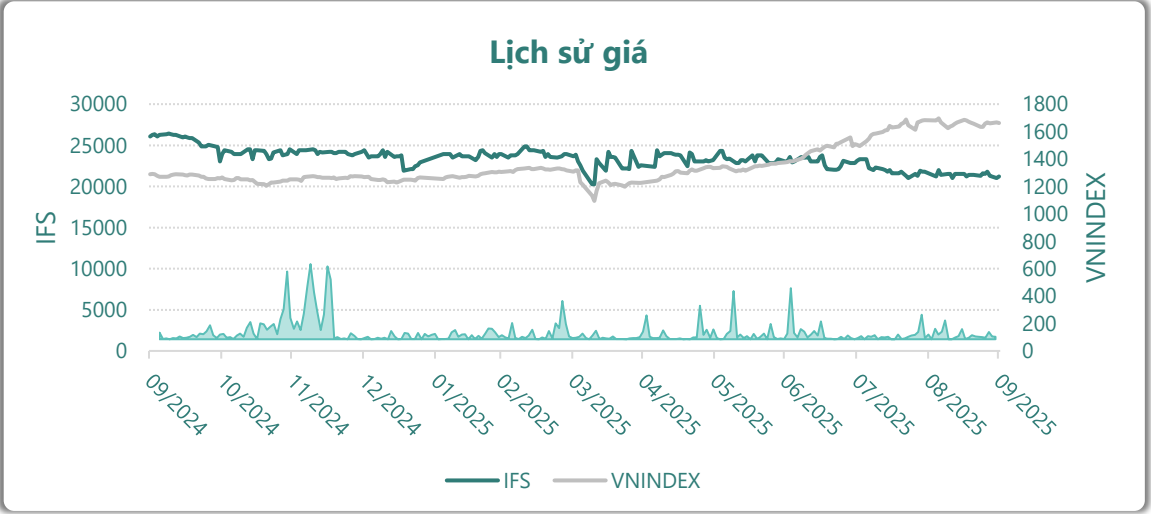
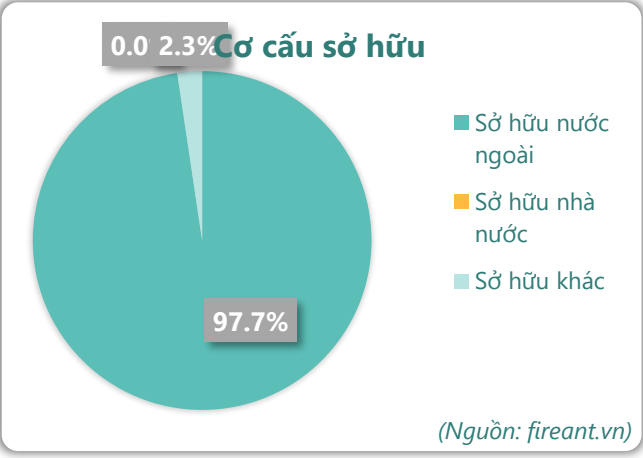
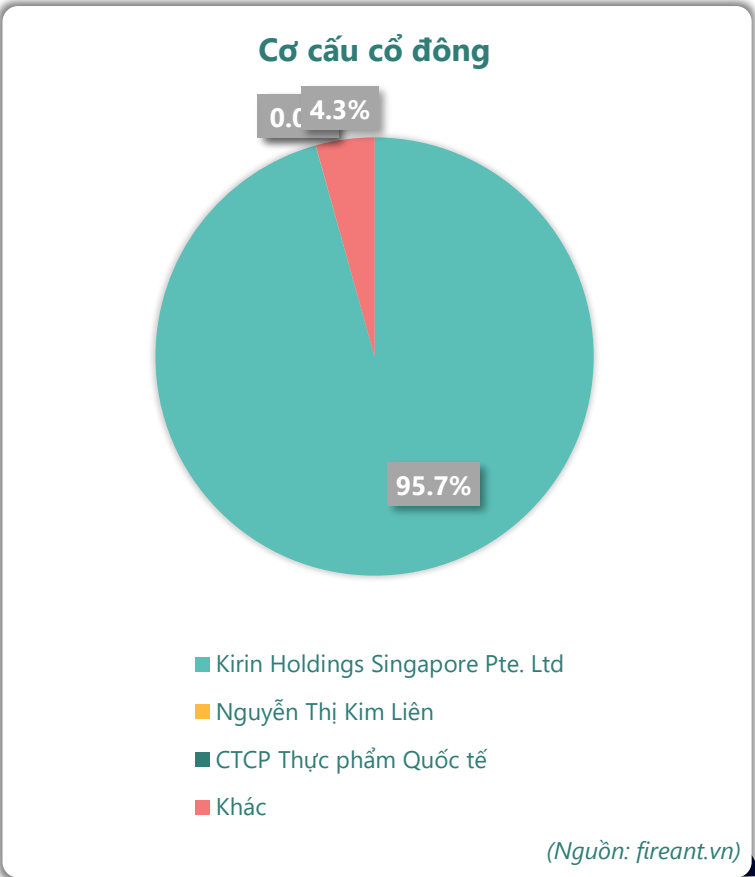
ROE (TTM)	Q3/25
12.5%	
YoY: +/-	▲ 1.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,261 - 26,431
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,847
Số lượng CPLH (CP)	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,035
Sở hữu nước ngoài	97.7%
Beta	0.88
EPS	1,696
P/E	12.5

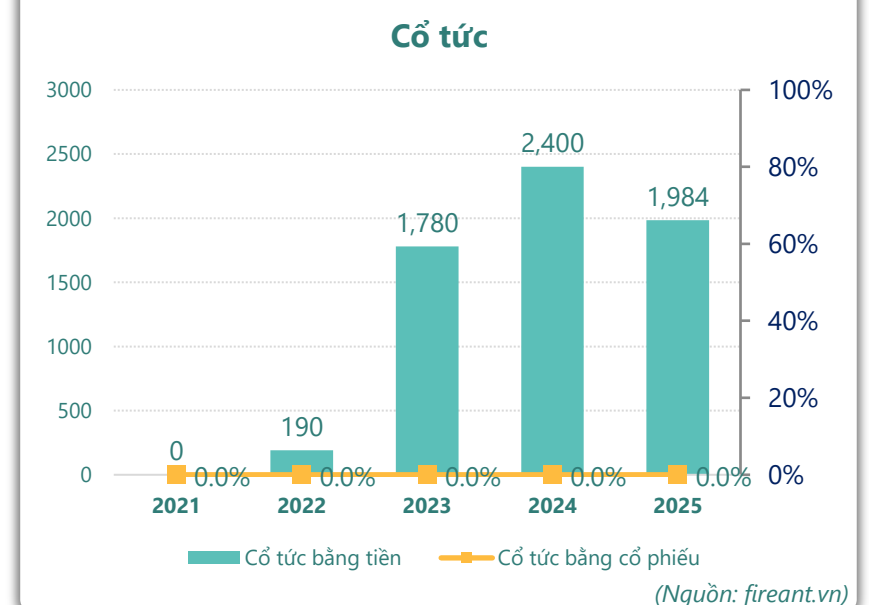
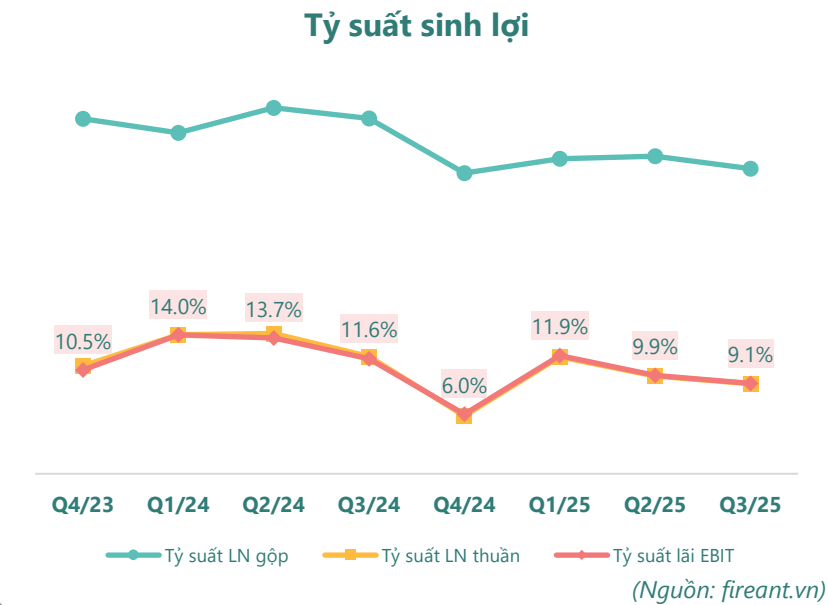
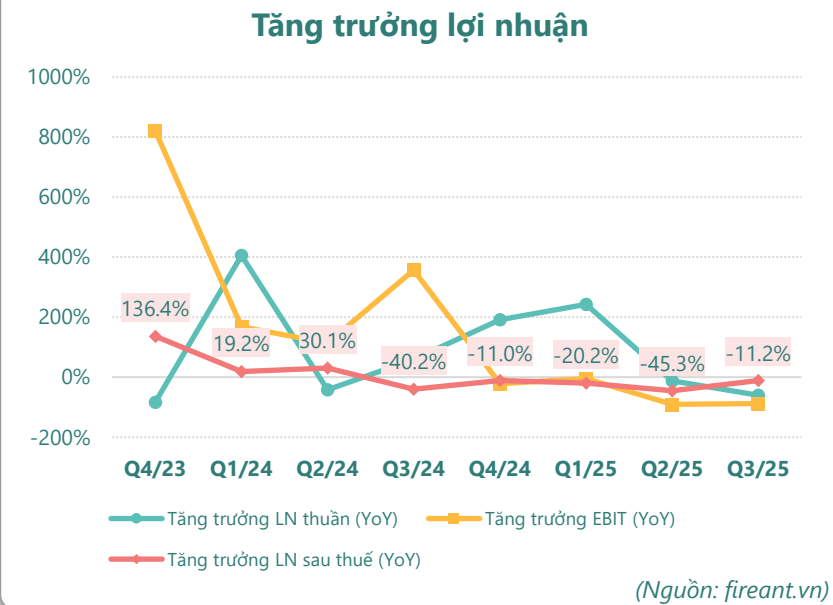
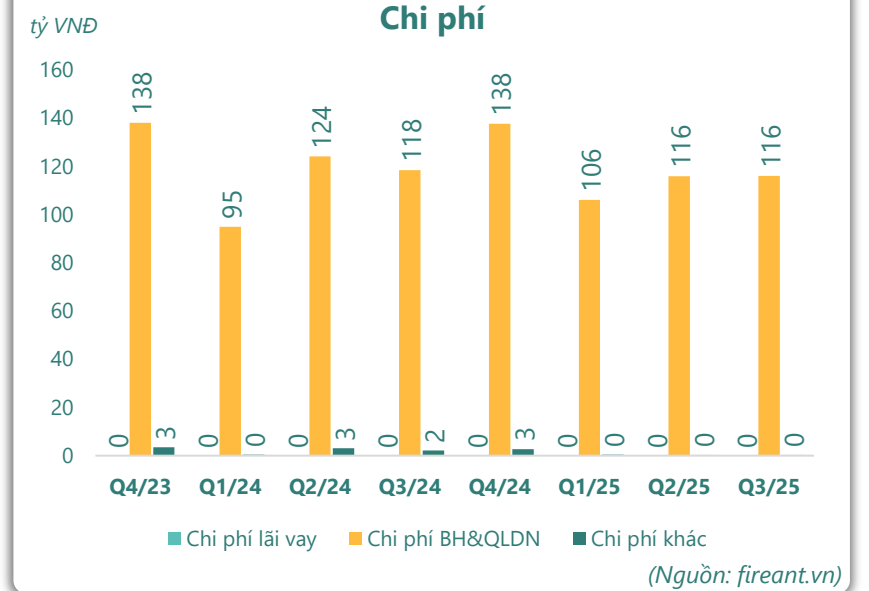
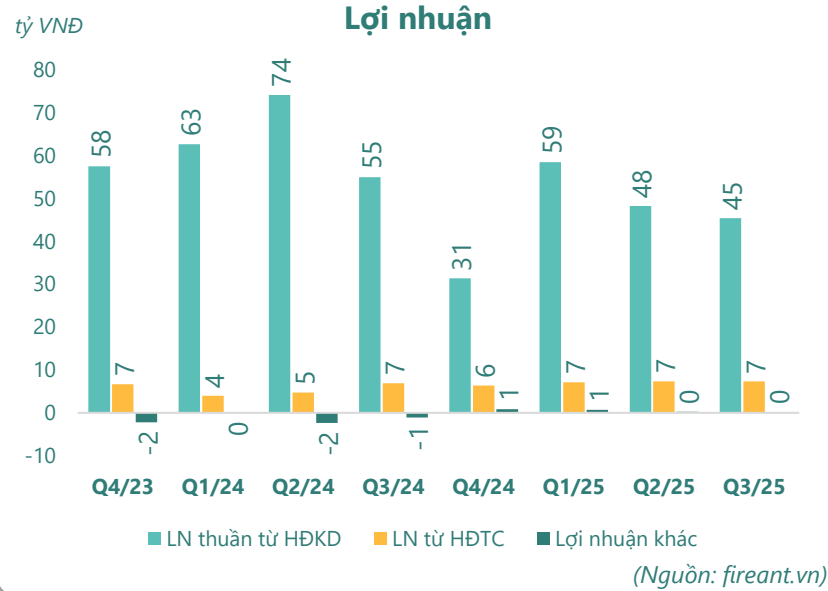
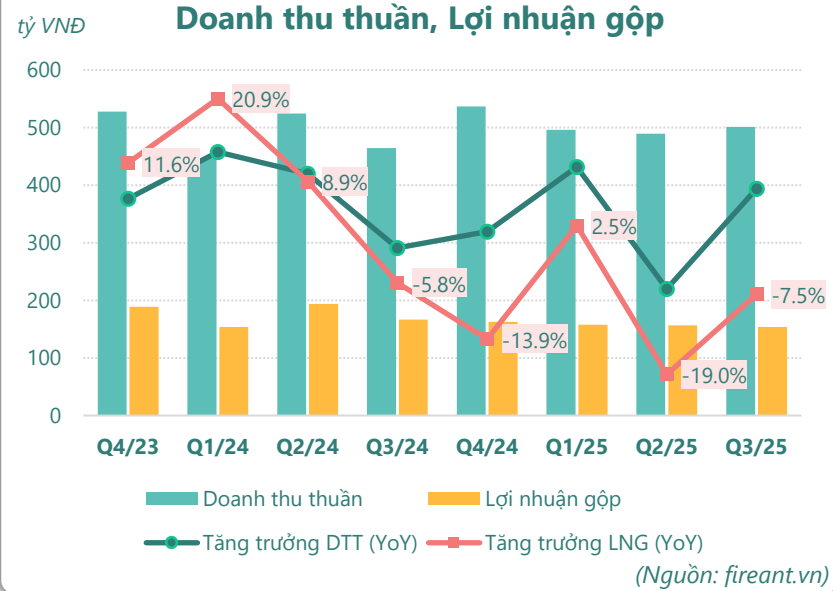
DT thuần	9T 2025
1,487	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.0	3.5%

LN thuần	9T 2025
152	tỷ VNĐ
YoY: ▼40.0	-20.7%

LN sau thuế	9T 2025
123	tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0	-17.0%



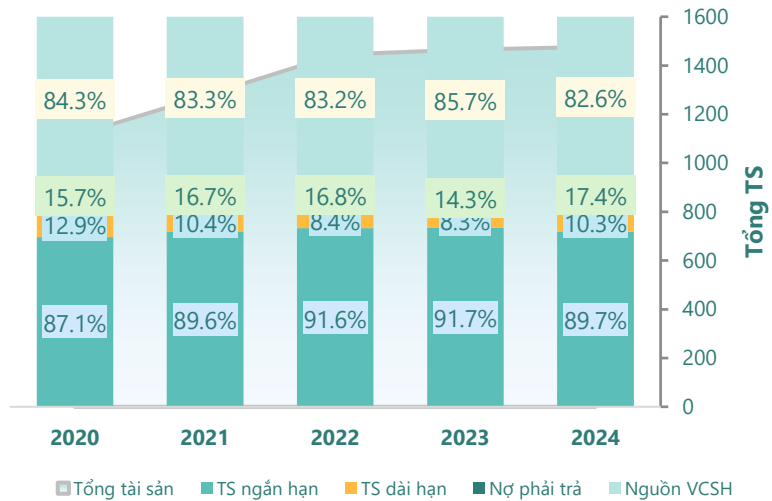
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

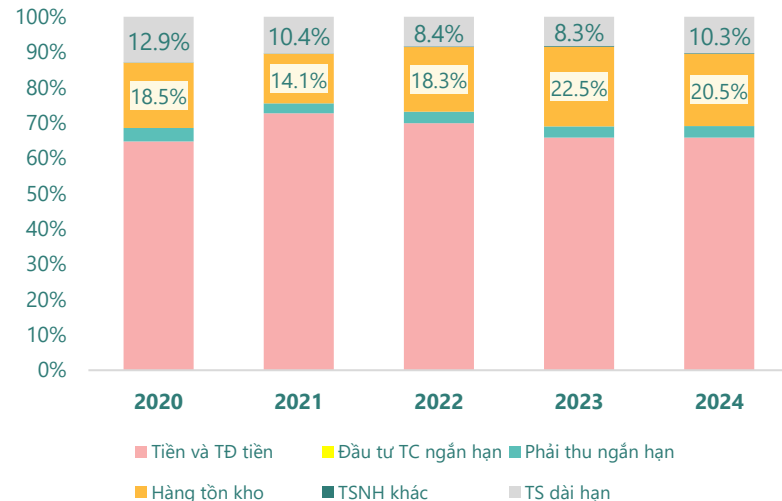
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

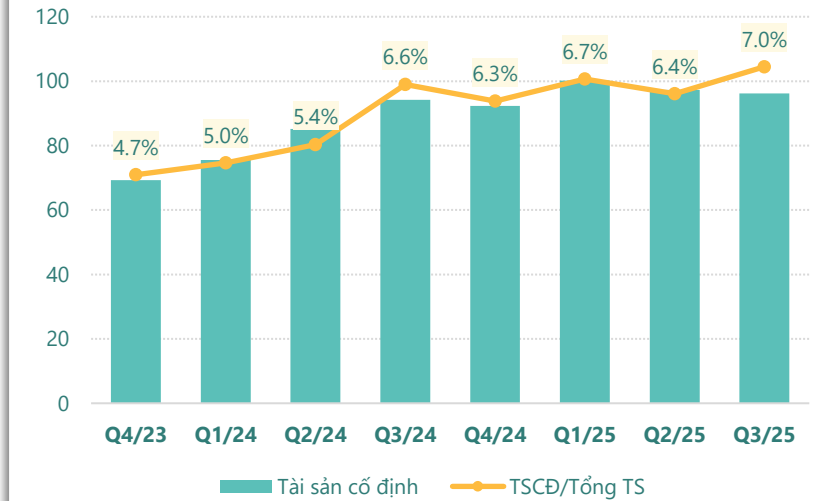
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

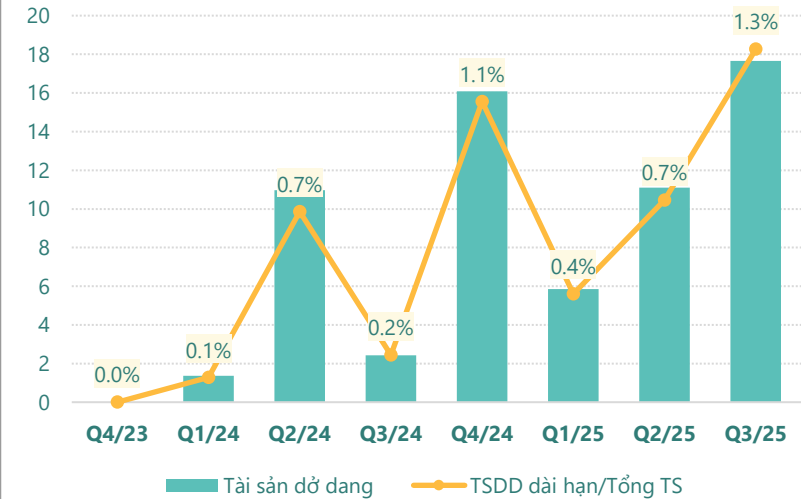
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

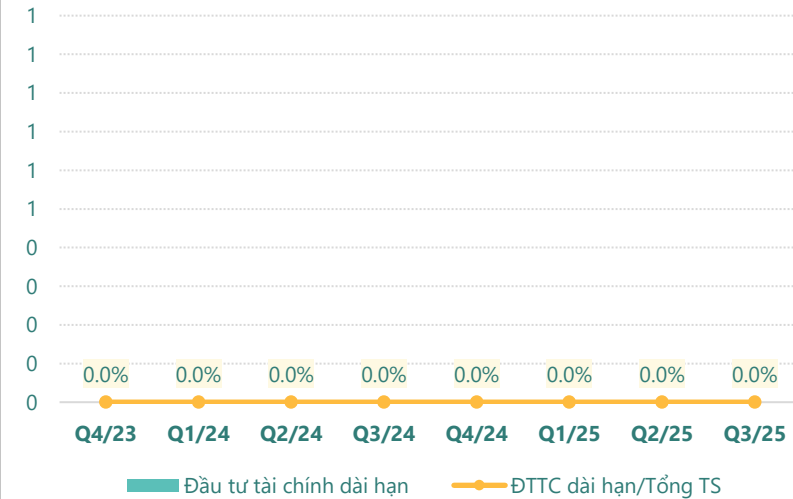
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

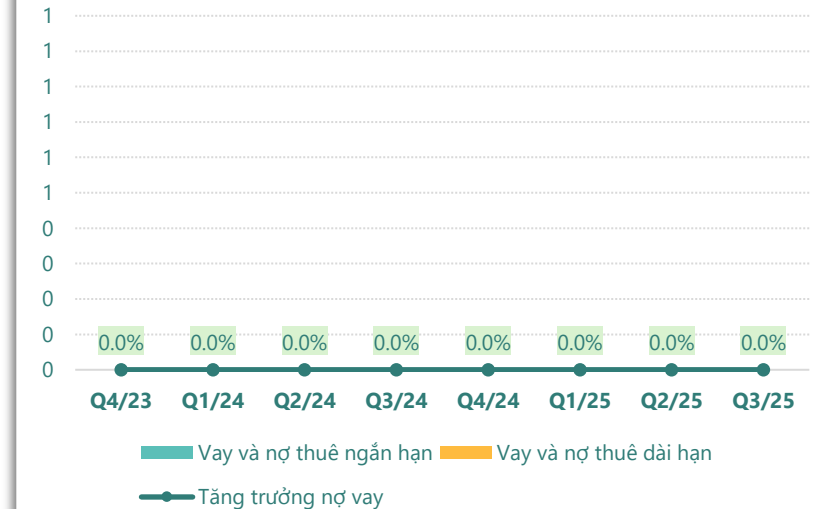
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

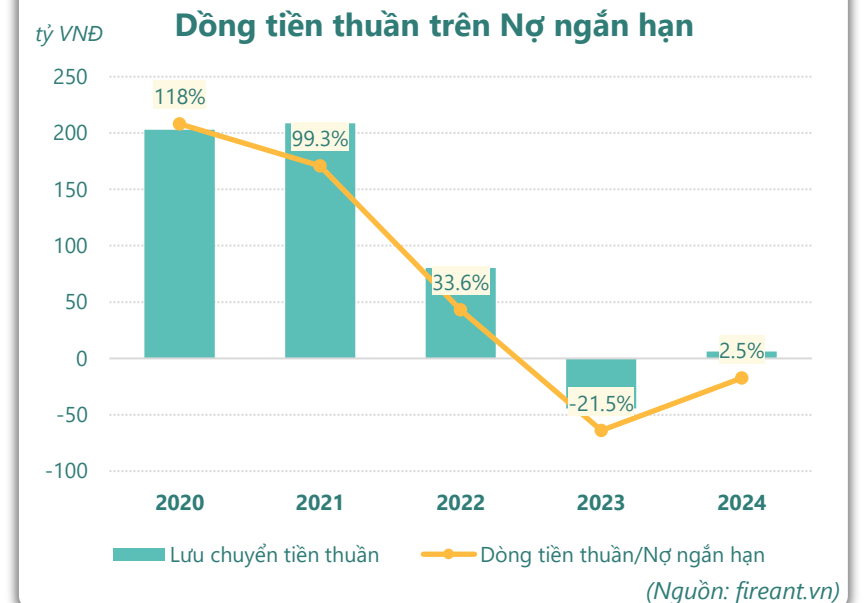
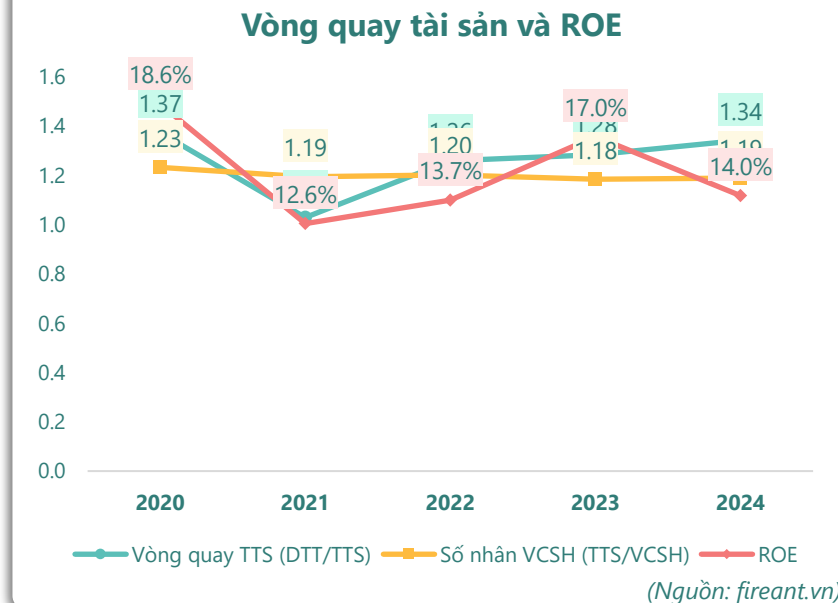
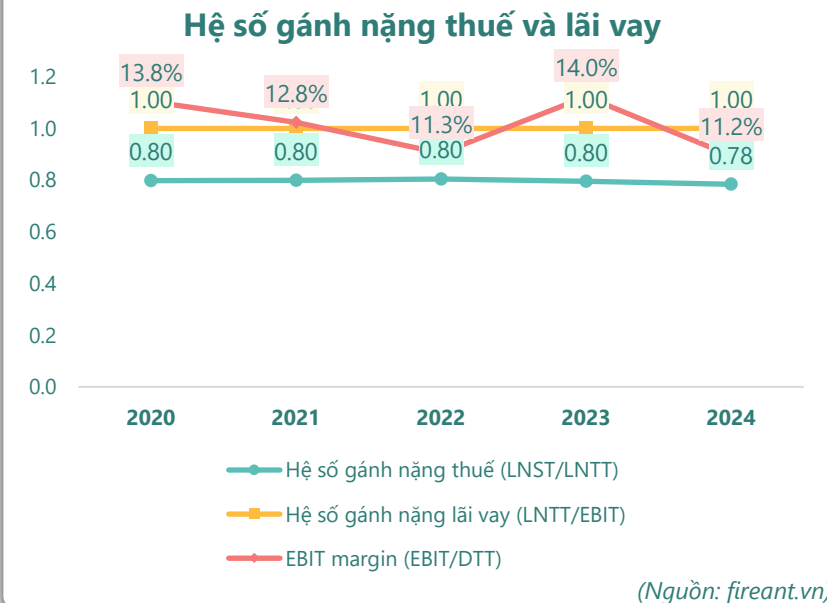
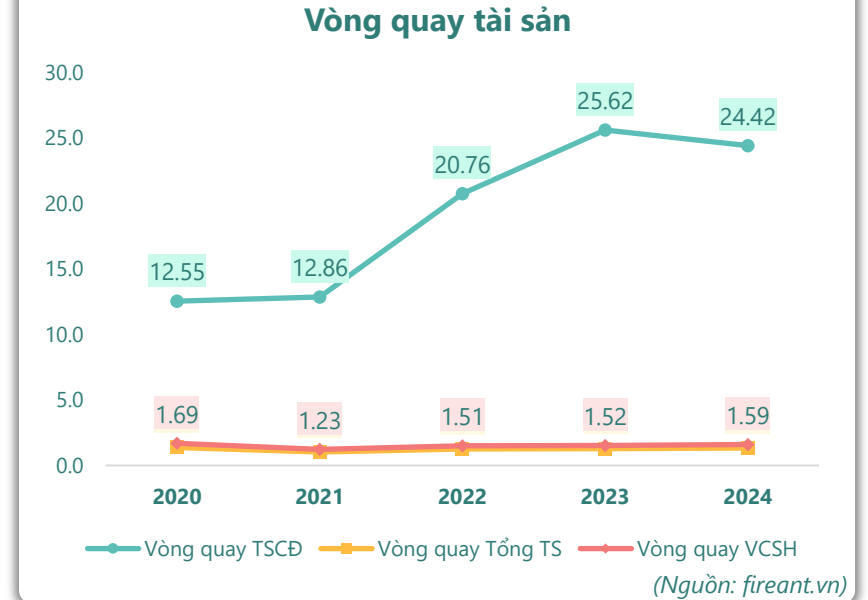
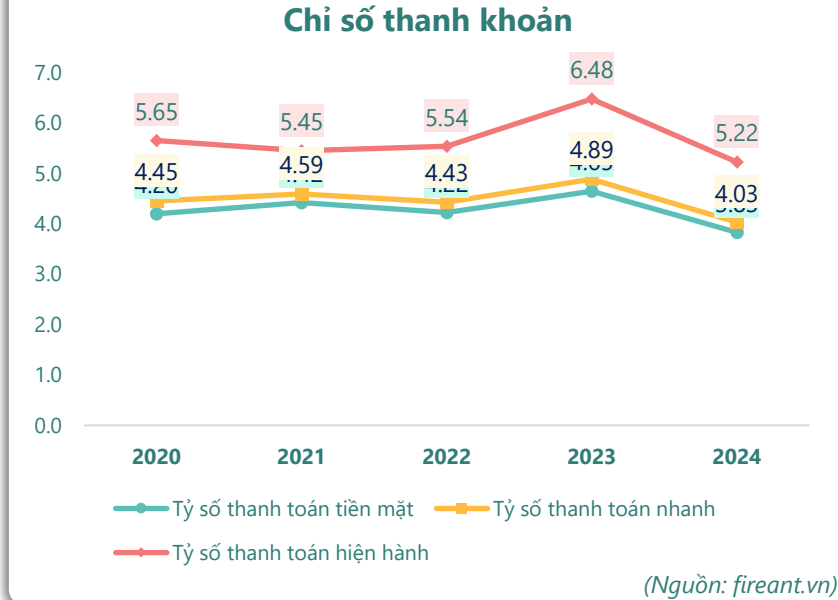
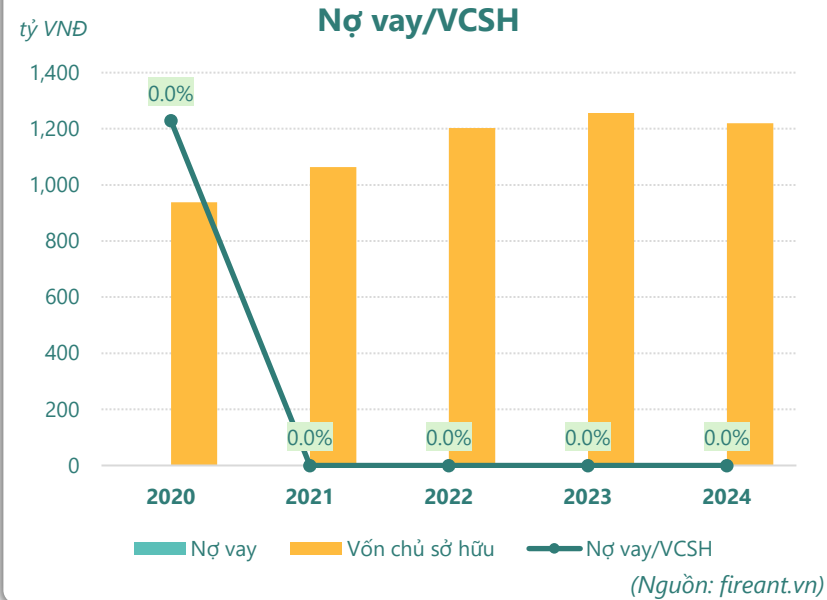
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	501	465	7.7%	1,487	1,436	3.5%
Giá vốn hàng bán	347	298	16.4%	1,018	923	10.4%
Lợi nhuận gộp	154	167	-7.7%	468	514	-8.8%
Doanh thu HĐTC	7.41	7.01	5.7%	22.2	15.9	39.6%
Chi phí TC	0.08	0.13	-36.3%	0.38	0.36	5.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	102	107	-4.6%	297	302	-1.5%
Chi phí QLDN	14.0	11.4	22.7%	40.6	35.5	14.3%
LN thuần từ HĐKD	45.4	55.0	-17.4%	152	192	-20.7%
Lợi nhuận khác	0.17	-1.08	116%	1.18	-3.53	133%
LN trước thuế	45.6	53.9	-15.4%	153	188	-18.6%
Lợi nhuận sau thuế	36.5	42.7	-14.6%	123	148	-17.0%
LNST của CĐ cty mẹ	36.5	42.7	-14.6%	123	148	-17.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	85.5	-5.94	38.1	37.3	-5.66	-15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.6	3.64	-8.54	-0.68	8.33	-1.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-209	0.03	0	0	-173
Tiền đầu kỳ	1,088	1,153	941	971	1,008	1,010
Lưu chuyển tiền thuần	65.0	-211	29.6	36.6	2.67	-189
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.12	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,153	941	971	1,008	1,010	821

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,381	1,476	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	1,231	1,325	-7.1%
Tiền và tương đương tiền	821	971	-15.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	102	48.4	111%
Hàng tồn kho	305	303	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.65	2.53	4.7%
Tài sản dài hạn	150	152	-0.9%
Phải thu dài hạn	1.08	0.93	16.5%
Tài sản cố định	96.2	92.4	4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.7	16.1	9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.4	42.4	-16.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	212	257	-17.6%
Nợ ngắn hạn	206	254	-18.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	126	148	-14.7%
Nợ dài hạn	5.75	3.39	69.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,169	1,219	-4.1%
Vốn chủ sở hữu	1,169	1,219	-4.1%
Vốn điều lệ	871	871	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

